

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HS-ST
Ngày: 12-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa.

Ông Thạch Thanh Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2023/TLST - HS, ngày 01 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2023/QĐXXST – HS, ngày 16 tháng 8 năm 2023 và thông báo về việc dời ngày xét xử vụ án hình sự số: 216/TB-TA, ngày 29 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/6/1997. Nơi sinh: Tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: **Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh**; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam: Con ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1979 và bà **Ngô Thị Bé C**, sinh năm 1977; Anh chị em ruột có 01 người, sinh năm 2003; Vợ tên **Hồ Thị D**, sinh năm 1999; Con ruột: Có 2 người, **L** sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2022; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 26/4/2023 cho đến nay. (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Hà Thị Mỹ N, sinh ngày 14/12/1999. Nơi sinh: Tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: **Ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ: Con ông **Hà Văn D1**, sinh năm 1977 và bà **Lê Thị Mỹ H**, sinh năm 1977; Anh chị em ruột có 01 người, sinh năm 2001; Con ruột: Có 2 người, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị áp dụng

biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 26/4/2023 cho đến nay. (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

3. **Đặng Thị Ngọc D2**, sinh ngày 04/01/2006. Nơi sinh: Tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: **Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Con ông **Đặng Văn Ủ**, sinh năm 1977 và bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1981; Anh chị em ruột có 02 người, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2018; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 26/4/2023 cho đến nay. (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*Người đại diện hợp pháp bị cáo **Đặng Thị Ngọc D2** là bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1981. Nơi cư trú: **Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh**. (xin xét xử vắng mặt)*

*Người bào chữa cho bị cáo **Đặng Thị Ngọc D2**: Bà **Phạm Thị Thiên P** là Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**. (có mặt)*

4. **Lê Thị Xuân M**, sinh ngày 12/12/2005. Nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: **Ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Con ông **Lê Văn C1**, sinh năm 1975 và bà **Nguyễn Thị Thu T2**, sinh năm 1974; Anh chị em ruột có 02 người, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 26/4/2023 cho đến nay. (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*Người đại diện hợp pháp bị cáo **Lê Thị Xuân M** là bà **Nguyễn Thị Thu T2**, sinh năm 1981. Nơi cư trú: **Ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long**. (Có mặt)*

*Người bào chữa cho bị cáo **Lê Thị Xuân M**: Bà **Lục Khả T3** là Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**. (có mặt)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn Trọng P1**, sinh năm 2006. (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: **Số A, đường C, khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**.

2. Chị **Đặng Thị Ngọc T4**, sinh năm 2002. (xin xét xử vắng mặt)

3. Bà **Ngô Thị D3**, sinh năm 1968. (xin xét xử vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: **Ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh**.

4. Ông **Hà Văn D1**, sinh năm 1977. (có mặt)

Nơi cư trú: **Ấp T, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết và từng sử dụng ma túy đá với nhau, vào khoảng 06 giờ ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại phòng trọ **số E nhà T**, tọa lạc tại **ấp R**,

xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do muốn sử dụng ma túy nhưng không có tiền nên bị cáo Hà Thị Mỹ N rủ bị cáo Lê Thị Xuân M và bị cáo Đặng Thị Ngọc D2 hùn tiền mỗi người 200.000 đồng để mua ma túy đá cùng nhau sử dụng thì tất cả đồng ý. Bị cáo N đi đến phòng trọ số 01 gặp bị cáo D2 và nhận số tiền 300.000 đồng, gồm 200.000 đồng là tiền để hùn mua ma túy và 100.000 đồng là của bị cáo D2 trả cho bị cáo T.

Bị cáo N đi về phòng trọ số 5 và lấy 226.000 đồng là tiền của bị cáo M gửi bị cáo N giữ trước đó góp vào thành 426.000 đồng để mua ma túy và nước uống, (400.000 đồng mua ma túy và 26.000 đồng mua nước uống). Sau khi có tiền, bị cáo N liên hệ qua Zalo với một đối tượng (không rõ họ tên, địa chỉ) để đặt mua ma túy đá và hẹn giao tại xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Sau đó, bị cáo M điều khiển xe mô tô biển số 84F1- 295.08, loại Vision màu đen đỏ chở bị cáo D2 đến một cây xăng thuộc xã L, thành phố T để chờ lấy ma túy. Một lúc sau có một thanh niên (không rõ họ tên, đặc điểm nhận dạng) điều khiển xe mô tô (không rõ biển kiểm soát) đến giao ma túy (ma túy được để trong gói thuốc lá hiệu SAIGON bạc) và cả hai quay về nhà trọ Kiều Mi. Trên đường về, có ghé vào tiệm tạp hóa mua nước đá và 02 chai nước Sting. Về đến nhà trọ, bị cáo M đem bịch nước đá và các chai nước Sting, trong đó có gói thuốc lá chứa ma túy để trước cửa phòng số 05 rồi đi về phòng số 01, bị cáo T lấy đem vào phòng.

Bị cáo T lấy túi nylon chứa ma túy đá từ trong gói thuốc ra, đổ một phần ma túy vào trong cái nỏ có sẵn trong phòng và dùng bật lửa đốt nóng cho ma túy tan chảy để tất cả cùng nhau sử dụng. Những người cùng sử dụng ma túy gồm có các bị cáo Nguyễn Văn T, Hà Thị Mỹ N, Lê Thị Xuân M, Đặng Thị Ngọc D2 và ông Nguyễn Trọng P1. Số ma túy còn lại, bị cáo T để lại trong một hộp nhựa, cất giấu tại phòng trọ số 05, đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định trưng cầu giám định số 50/QĐ-ĐCSHS-KTMT đối với chất bên trong túi vượt khóa miệng kích thước 2cm x 2cm. Tại bản kết luận giám định số 281/KL-KTHS ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Tinh thể rắn màu trắng chứa trong 01 (một) túi vượt khóa miệng được niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng: 0.0704 gam.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định trưng cầu giám định số 72/QĐ-ĐCSHS-KTMT giám định độ tuổi của bị cáo Lê Thị Xuân M. Tại kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 3501/KLGĐĐT-C09B ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Qua quá trình khám lâm sàng và kết quả cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định (tháng 5 năm 2023) Lê Thị Xuân M có độ tuổi từ 16 năm 09 tháng đến 17 năm 03 tháng.

Tiến hành kiểm tra chất ma túy trong cơ thể của các bị cáo Hà Thị Mỹ N, Nguyễn Văn T, Lê Thị Xuân M, Đặng Thị Ngọc D2 và ông Nguyễn Trọng P1, kết quả dương tính với chất ma túy. Công an huyện C đã ra quyết định xử phạt vi phạm

hành chính bị cáo T, Mỹ N mỗi bị cáo số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Riêng đối với các bị cáo Lê Thị Xuân M, Đặng Thị Ngọc D2 và ông Nguyễn Trọng P1, thời điểm sử dụng trái phép chất ma túy chưa đủ 18 tuổi nên bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mỗi đối tượng số tiền 750.000 đồng, chưa chấp hành quyết định xử phạt.

Đối với túi vượt khóa miệng kích thước 2cm x 2cm chứa ma túy còn lại được tìm thấy trong quá trình bắt quả tang, các bị cáo D2, Xuân M thừa nhận là số ma túy mà các bị cáo đã hùn tiền mua trước đó sử dụng chưa hết, kết quả giám định là Ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng: 0.0704 gam, không đủ định lượng cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Công an huyện C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi bị cáo số tiền 1.750.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa chấp hành quyết định xử phạt.

Tại Bản cáo trạng số 43/CT-VKS-HS ngày 31-7-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Hà Thị Mỹ N, Đặng Thị Ngọc D2 và bị cáo Lê Thị Xuân M về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, 04 bị cáo có mặt giữ nguyên lời khai, các bị cáo Nguyễn Văn T, Hà Thị Mỹ N, Đặng Thị Ngọc D2 và bị cáo Lê Thị Xuân M hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh và thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Vào sáng ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại phòng trọ số E nhà T, tọa lạc tại ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Các bị cáo Lê Thị Xuân M, Đặng Thị Ngọc D2 có hành vi hùn tiền để mua ma túy loại Methamphetamine với giá 400.000 đồng do bị cáo Hà Thị Mỹ N là người trực tiếp đặt mua để tổ chức cho các bị cáo Lê Thị Xuân M, Đặng Thị Ngọc D2, Hà Thị Mỹ N, Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Trọng P1, cùng nhau sử dụng (thời điểm sử dụng ma túy ông Nguyễn Trọng P1 16 tuổi 03 tháng 21 ngày). Tại bản kết luận giám định số 281/KL-KTHS ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Tinh thể rắn màu trắng chứa trong 01 (một) túi vượt khóa miệng được niêm phong thu giữ tại phòng trọ số 5 nhà trọ K gửi giám định là Ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng: 0.0704 gam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Hà Thị Mỹ N, Đặng Thị Ngọc D2 và bị cáo Lê Thị Xuân M phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Là không có.

Về tình tiết giảm nhẹ:

- Đối với các bị cáo Hà Thị Mỹ N, Nguyễn Văn T: Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; thân nhân các bị cáo có công với cách mạng. (điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đối với các bị cáo **Đặng Thị Ngọc D2**, **Lê Thị Xuân M**: Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội (điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Do đó, Vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

- Các điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 26/4/2023.

- Các điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Hà Thị Mỹ N** từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 26-4-2023.

- Các điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Đặng Thị Ngọc D2** từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 26-4-2023.

- Các điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Thị Xuân M** từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 26-4-2023.

Ngoài ra, **V** còn đề nghị xử lý vật chứng là:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 hộp nhựa màu trắng, kích thước 15cm x 5cm x 3cm; 01 túi vuốt khóa miệng kích thước 2 cm x 2 cm, bên trong có chứa chất nghi là chất ma túy; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 02 bật lửa, 04 thẻ sim số thuê bao 0768862717; 0795436611; 0343273874 và 0835979613 là tang vật liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO RENO 7Z5G, màu xanh, số IMEI1: 865543052618470, số IMEI2: 865543052618462, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng, nhãn hiệu OPPO A57, số IMEI1: 869945063646229, số IMEI2: 869945063646281, do liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tra lại cho bị cáo **Hà Thị Mỹ N**: 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 84F1-295.08, nhãn hiệu HONDA, loại Vision, màu sơn đen - đỏ, số khung: RLHJK032XMZ037392; số máy: JK03E7542735, do không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn T**: 01 điện thoại di động loại bàn phím, nhãn hiệu ITEL, màu xanh, số IMEI1: 355057093419803, số IMEI2: 355057093419811 có gắn sim số thuê bao 0905374846 do không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo **Lê Thị Xuân M**: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu realme C3, số IMEI1: 861311043667137, số IMEI2: 861311043667129, có gắn hai sim số thuê bao 0766900262 và 0775447942 do không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho ông **Nguyễn Trọng P1**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số IMEI: 356681089256637, có gắn sim số thuê bao 0589821570, do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Ngoài ra, **V** đề nghị buộc 04 bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Hà Thị Mỹ N**, **Đặng Thị Ngọc D2** và bị cáo **Lê Thị Xuân M** chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo **Đặng Thị Ngọc D2** trình bày:* Vì thống nhất với hành vi, tội danh và quan điểm luận tội mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long đã truy tố đối với bị cáo **D2**. Ngoài ra, **V** đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **D2** được quy định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91 Bộ luật Hình sự là bị cáo chưa tiền án, tiền sự, đã thật sự ăn năn hối cải, bị cáo là người phạm tội chưa đủ 18 nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh có khó khăn giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên **V** đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phạt mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

*Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo **Lê Thị Xuân M** trình bày:* Vì thống nhất với hành vi, tội danh và quan điểm luận tội mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long đã truy tố đối với bị cáo **M**. Ngoài ra, **V** đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **M** được quy định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91 Bộ luật Hình sự là: bị cáo chưa tiền án, tiền sự, đã thật sự ăn năn hối cải, bị cáo vì thành niên nhận thức pháp luật còn hạn chế, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên **V** đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phạt mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

Qua quan điểm của **V** đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, các bị cáo tại phiên tòa đã tranh luận đối đáp với nhau, sau cùng mỗi người vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo được sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, **V** đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Trọng P1**, chị **Đặng Thị Ngọc T4** và bà **Ngô Thị D3**, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Đối với người đại diện hợp pháp cho bị cáo bà **Nguyễn Thị L1**, bà **Nguyễn Thị Thu T2**

và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Hà Văn D1** có mặt. Do các đương sự vắng mặt đã có lời khai rõ ràng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C** có trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt họ không gây cản trở cho việc xét xử, nên căn cứ quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, ma túy là chất gây nghiện ảnh hưởng đến sức khỏe của con người; ảnh hưởng đến khả năng tham gia lao động, học tập; ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về trí tuệ của người sử dụng và còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Bản thân các bị cáo là những người có đủ sức khỏe để tìm công việc làm ổn định, tạo ra thu nhập chính đáng phục vụ nhu cầu sống bản thân, nhưng các bị cáo đã không chí thú làm ăn lại có hành vi vi phạm pháp luật. Về tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, bản thân các bị cáo hoàn toàn nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hơn nữa, hành vi của các bị cáo còn xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước trong việc quản lý, kiểm soát chất ma túy; ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội và gây bức xúc trong quần chúng Nhân dân.

[3] Đây là vụ án đồng phạm, nhưng giữa các bị cáo không có sự câu kết, bàn bạc một cách chặt chẽ, mà mang tính đồng phạm giản đơn. Trong đó: Các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Hà Thị Mỹ N**, **Đặng Thị Ngọc D2** và bị cáo **Lê Thị Xuân M** phạm tội chưa có tiền án, tiền sự nhưng đã nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy, Đối với bị cáo **T** không hùn tiền mua ma túy nhưng là người trực tiếp cho ma túy vào nỏ để các bị cáo khác sử dụng, đồng thời bị cáo là người đốt nóng ma túy cho **Nguyễn Trọng P1** người dưới 18 tuổi sử dụng, hành vi phạm tội của bị cáo **T** là rất nghiêm trọng. Đối với bị cáo **Hà Thị Mỹ N** là người trực tiếp lên mạng đặt mua ma túy, nhắn tin kêu bị cáo **D2** hùn tiền mua ma túy, tự liên hệ với người bán và cung cấp xe mô tô địa điểm cho bị cáo **D2** và **M** đi nhận ma túy về tổ chức sử dụng ma túy. Bị cáo **Đặng Thị Ngọc D2** là người dưới 18 tuổi, bị cáo đã hùn tiền và cùng bị cáo **M** đi lấy ma túy đem về phòng trọ cùng với các bị cáo khác và **Nguyễn Trọng P1** sử dụng, do đó bị cáo **D2** cũng là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Bị cáo **Lê Thị Xuân M** là người dưới 18 tuổi, đã hùn tiền mua ma túy và trực tiếp lấy ma túy về phòng trọ để tất cả các bị cáo và **Nguyễn Trọng P1** cùng sử dụng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng vì đã trực tiếp thực hiện tội phạm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

[4] Những năm gần đây, cả nước nói chung, trên địa bàn **huyện C, tỉnh Trà Vinh** nói riêng, hành vi vi phạm và tội phạm về ma túy liên tục xảy ra, gây hoang mang, bức xúc trong cuộc sống, sinh hoạt thường ngày của Nhân dân, tạo ra nỗi lo sợ cho xã hội. Hành vi của 04 bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do đó, để góp phần ổn định tình hình trật tự địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương

xứng với hành vi của các bị cáo đã gây ra và tính chất của vụ án, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ đó là: Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, phạm tội chưa có tiền án, tiền sự. Riêng bị cáo **D2** và **M** là người dưới 18 tuổi nên việc nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo **T** và bị cáo **N** có người thân có công cách mạng. Đây là những căn cứ để áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với 02 bị cáo **T** và **N**; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với 02 bị cáo **D2** và **M**. Do đó, ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long và người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội là: Vào sáng ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại phòng trọ số E nhà **T**, tọa lạc tại ấp **R**, xã **D**, huyện **C**, tỉnh **Trà Vinh**. Các bị cáo **Lê Thị Xuân M**, **Đặng Thị Ngọc D2** có hành vi hùn tiền để mua ma túy loại Methamphetamine với giá 400.000 đồng do bị cáo **Hà Thị Mỹ N** là người trực tiếp đặt mua để tổ chức cho các bị cáo **Lê Thị Xuân M**, **Đặng Thị Ngọc D2**, **Hà Thị Mỹ N**, **Nguyễn Văn T** và ông **Nguyễn Trọng P1**, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2006 cùng nhau sử dụng. Lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C** thu thập được có trong hồ sơ vụ án và vật chứng đã thu giữ.

[7] Xét thấy Bản cáo trạng số 43/CT-VKS-HS ngày 31-7-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long quyết định truy tố 04 bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Hà Thị Mỹ N**, **Đặng Thị Ngọc D2** và bị cáo **Lê Thị Xuân M** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là phù hợp quy định pháp luật, đúng người, đúng tội.

[8] Về vật chứng của vụ án: 01 hộp nhựa màu trắng, kích thước 15cm x 5cm x 3cm; 01 túi vuốt khóa miệng kích thước 2 cm x 2 cm, bên trong có chứa chất nghi là chất ma túy; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 02 bật lửa, 04 thẻ sim số thuê bao 0768862717; 0795436611; 0343273874 và 0835979613. Đây là những tang vật liên quan đến vụ án, không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO RENO 7Z5G, màu xanh, số IMEI1: 865543052618470, số IMEI2: 865543052618462; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng, nhãn hiệu OPPO A57, số IMEI1: 869945063646229, số IMEI2: 869945063646281, liên quan đến hành vi phạm tội, nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước.

- 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 84F1-295.08, nhãn hiệu HONDA, loại Vision, màu sơn đen - đỏ, số khung: RLHJK032XMZ037392; số máy:

JK03E7542735; của Hà Thị Mỹ N đứng tên chủ sở hữu, như thuộc quyền sở hữu chung của gia đình bị cáo Hà Thị Mỹ N, bị cáo mượn xe làm phương tiện đi lại mà gia đình không biết bị cáo N sử dụng phạm tội, tại phiên tòa hôm nay ông Hà Văn D1, có yêu cầu được nhận lại xe, nên trả lại xe này lại cho bị cáo N, nhưng cần quản lý tiếp để đảm bảo việc thi hành án.

- 01 điện thoại di động loại bàn phím, nhãn hiệu IteI, màu xanh, số IMEI1: 355057093419803, số IMEI2: 355057093419811 có gắn sim số thuê bao 0905374846, của Nguyễn Văn T, không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo T, nhưng cần quản lý tiếp để đảm bảo việc thi hành án.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu realme C3, số IMEI1: 861311043667137, số IMEI2: 861311043667129, có gắn hai sim số thuê bao 0766900262 và 0775447942 của Lê Thị Xuân M do không liên quan đến hành vi phạm tội, trả cho bị cáo M nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc thi hành án.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số IMEI: 356681089256637, có gắn sim số thuê bao 0589821570, của ông Nguyễn Trọng P1 do không liên quan đến hành vi phạm tội trả cho ông P1.

[9] Đối với Nguyễn Trọng P1: Vào ngày 20 tháng 4 năm 2023 có đến phòng trọ số 5 nhà trọ K, tọa lạc tại ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh chơi. Đến sáng ngày 21 tháng 4 năm 2023 có cùng sử dụng ma túy với các bị cáo, bản thân không có hùn hạp hay giúp sức cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Trọng P1.

Đối với bà Ngô Thị D3: là người trực tiếp quản lý nhà trọ Kiều Mi, tọa lạc tại ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Việc các bị cáo Nguyễn Văn T, Hà Thị Mỹ N, Lê Thị Xuân M, Đặng Thị Ngọc D2 và ông Nguyễn Trọng P1 có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bà hoàn toàn không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Ngô Thị D3 là có cơ sở. Tuy nhiên, bà Ngô Thị D3 đã vi phạm quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính P2 về hành vi “Người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật, người được giao quản lý cơ sở kinh doanh, dịch vụ, người quản lý phương tiện giao thông hoặc cá nhân khác có trách nhiệm quản lý nhà hàng, cơ sở cho thuê lưu trú, câu lạc bộ, hoạt động kinh doanh karaoke, hoạt động kinh doanh vũ trường, kinh doanh trò chơi điện tử, các phương tiện giao thông để xảy ra hoạt động tàng trữ, mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực, phương tiện do mình quản lý”. Cơ quan Cảnh sát điều tra đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 15.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự thời hạn 09 tháng.

Đối với người đàn ông bán ma túy: Do bị cáo Hà Thị Mỹ N trình bày không rõ họ tên, địa chỉ, đặc điểm nhận dạng, chỉ liên hệ qua mạng Zalo để đặt mua ma

túy nhưng không lưu thông tin trong điện thoại nên không xác định được đối tượng để tiến hành làm việc, khi nào làm việc được nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Hà Thị Mỹ N**, **Đặng Thị Ngọc D2** và **Lê Thị Xuân M** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện C**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra - truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C**, bản Kết luận giám định số 281/KL-KTHS ngày 25- 4 - 2023 của **Phòng K Công an tỉnh T**. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[12] Từ những nhận định trên, quan điểm đề nghị của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo **Đặng Thị Ngọc D2** và bị cáo **Lê Thị Xuân M** có căn cứ để chấp nhận phản quan điểm phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Hà Thị Mỹ N**, **Đặng Thị Ngọc D2** và **Lê Thị Xuân M** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào các Điều 45, 260, 268, 269, 299 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ vào các điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 26/4/2023.

- Căn cứ vào các điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hà Thị Mỹ N** 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 26/4/2023.

- Căn cứ vào các điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, Điều 58, Điều 101 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đặng Thị Ngọc D2** 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 26/4/2023.

- Căn cứ vào các điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, Điều 58, Điều 101 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Xuân M** 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 26/4/2023.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 hộp nhựa màu trắng, kích thước 15cm x 5cm x 3cm; 01 túi vuốt khóa miệng kích thước 2 cm x 2 cm, bên trong có chứa chất nghi là chất ma túy; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 02 bật lửa, 04 thẻ sim số thuê bao 0768862717; 0795436611; 0343273874 và 0835979613.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO RENO 7Z5G, màu xanh, số IMEI1: 865543052618470, số IMEI2: 865543052618462, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu realme C3, số IMEI1: 861311043667137, số IMEI2: 861311043667129; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng, nhãn hiệu OPPO A57, số IMEI1: 869945063646229, số IMEI2: 869945063646281.

- Trả lại cho bị cáo **N**: 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 84F1-295.08, nhãn hiệu HONDA, loại Vision, màu sơn đen - đỏ, số khung: RLHJK032XMZ037392; số máy: JK03E7542735, nhưng cần tiếp tục giao cho Cơ quan Chi Cục thi hành án dân sự huyện Càng Long quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn T**: 01 điện thoại di động loại bàn phím, nhãn hiệu Itel, màu xanh, số IMEI1: 355057093419803, số IMEI2: 355057093419811 có gắn sim số thuê bao 0905374846, nhưng cần tiếp tục giao cho Cơ quan Chi Cục thi hành án dân sự huyện Càng Long quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Trả lại cho bị cáo **Lê Thị Xuân M**: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu realme C3, số IMEI1: 861311043667137, số IMEI2: 861311043667129, có gắn hai sim số thuê bao 0766900262 và 0775447942, nhưng cần tiếp tục giao cho Cơ quan Chi Cục thi hành án dân sự huyện Càng Long quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Trả lại cho ông **Nguyễn Trọng P1**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số IMEI: 356681089256637, có gắn sim số thuê bao 0589821570.

(Các vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long đang quản lý).

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12

và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Hà Thị Mỹ N**, **Đặng Thị Ngọc D2** và **Lê Thị Xuân M** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho các bị cáo và người tham gia tố tụng biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Hoàng Vân